

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Mầm non Hòa Mi,
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	53/53 trẻ đạt 100% trẻ phát triển bình thường. Đảm bảo chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Đảm bảo VSATTP, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, đảm bảo an toàn tính mạng cho trẻ trong trường mầm non.	182/182 trẻ đạt 100%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện chương trình GDMN sau sửa đổi	Thực hiện chương trình GDMN sau sửa đổi
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- PTTC: 95% - PTNN: 88% - PTNT: 90% - PTTM&TCXH: 92%	- PTTC: 100% - PTNT: 95% - PTNN: 90% - PTTM: 95% - PTTC-XH: 98%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Đội ngũ GV yêu nghề mến trẻ, nhiệt tình, tâm huyết có trình độ chuyên môn vững vàng. - CSVC: đảm bảo đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phục vụ sinh hoạt, hoạt động học tập, vui chơi đầy đủ đúng theo tiêu chuẩn	

Bình Khê, ngày 30 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mến

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	182			53	41	38	50
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	182			53	41	38	50
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	182			53	41	38	50
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	182			53	41	38	50
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	182			53	41	38	50
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	179			53	40	36	50
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân					1	2	
3	Số trẻ có chiều cao bình	178			53	39	37	49

	<i>thường</i>							
4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>					2	1	1
5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>						1	2
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	182			53	41	38	50
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				53			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					41	38	50

Bình Khê, ngày 30 tháng 09 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mến

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON HỌA MI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Mầm non Hòa Mi
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	3	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6.553,1m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)		
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)		
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	163,6 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối	9/9	Số bộ/nhóm (lớp)

	thiếu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	9/9	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	18	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		8		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số [14/2008/QĐ-BGDĐT](#) ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	

XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Bình Khê, ngày 30 tháng 09 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mến

	tế														
5	Nhân viên khác														
..	..														

Bình Khê, ngày 30 tháng 09 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mến